TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **32**/2024/DS- ST
Ngày 11/3/2024
*V/v: "**Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản**"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông L**Thanh Điền**

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Phước Lộc**

2. Bà **Nguyễn Tường Diễm Linh Giang**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông L**Thanh Toàn -** Thư ký Toà án thành phố Phú Quốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên toà: ông **Lê Văn Chung**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phú Quốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **453/**2023/TLST-DS, ngày 22 tháng 11 năm 2023 "***Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản***", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **14**/2024/QĐST- DS, ngày 01/02/2024; Thông báo dời phiên tòa số 43/2024 ngày 27/2/2024 và Thông báo dời phiên tòa số 56/2024 ngày 07/3/2024 giữa:

**** Đồng nguyên đơn:*** Vợ chồng ông **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1975 và bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1973, (ông Q có đơn xin giải quyết vắng mặt, bà T có mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố I, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

**** Đồng bị đơn:*** Vợ chồng ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1985 và bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1978, (ông L có đơn xin giải quyết vắng mặt, bà M có mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố I, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo nội dung đơn khởi kiện đồng nguyên đơn trình bày:***

Vào ngày 06/5/2023, vợ chồng ông Q, bà T có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn L vay số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), bà M vay mục đích là để tu bổ sửa chữa ghe, vì chỗ quen biết đồng thời ở gần nhà nên vợ chồng ông, bà hoàn toàn tin tưởng và đồng ý cho vay.

Nay vợ chồng ông, bà có nhu cầu lấy lại số tiền nói trên nên đã nhiều lần yêu cầu bà M giao trả lại nhưng bà M cứ hẹn hết lần này đến lần khác cố tình né tránh kéo dài thời gian. Đến ngày 22/6/2023, vợ chồng bà M bán ghe nhưng chỉ trả được số tiền 55.000.000 đồng còn lại số tiền 95.000.000 đồng đến nay bà M không chịu giao trả.

Tại phiên toà, bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn L phải có nghĩa vụ liên đới giao trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị T số tiền còn nợ là 95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng), trả một lần và không yêu cầu tính lãi suất.

**** Bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:***

Bà M với vợ chồng ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị T là hàng xóm gần nhà, khi biết bà đang rất cần tiền và đang hỏi tìm người để vay thì bà T vợ ông Q đã cho bà vay, thời điểm vay cách đây khoảng 05 năm vì bà bị bệnh về suy nhược thần kinh nên trí nhớ kém không nhỡ rõ ngày tháng năm sự việc cụ thể, khi hỏi vay bà T thì một mình bà trực tiếp lên nhà gặp bà T để hỏi vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), bà T đồng ý cho vay với lãi suất 3%/tháng, không thỏa thuận thời hạn và cũng không làm biên nhận vay tiền chỉ nói bằng miệng, với mục đích vay để trang trải cuộc sống gia đình và lo cho các con. Bà T đưa cho bà M số tiền vay theo hình thức bằng tiền mặt, việc bà T cho bà vay tiền chồng bà T là ông Q có biết.

Bà vẫn trả lãi theo lãi suất 3%/tháng cho bà T đúng hạn giao động vào ngày 15 đến ngày 19 tây hàng tháng không bao gồm tiền gốc mà chỉ đóng lãi, việc đóng lãi này lúc thì bà tự đưa bằng tiền mặt và không làm biên nhận vì tới ngày đóng lãi là bà T tự xuống lấy hoặc bà sẽ tự đem lên. Trong thời gian vay bà có trả cho bà T được số tiền gốc 50.000.000 đồng còn lại 150.000.000 đồng tiền gốc và yêu cầu bà ký vào giấy mượn tiền, giấy này bà T giữ bà không nhớ rõ nội dung hay ngày tháng cụ thể. Sau đó bà vẫn tiếp tục đóng lãi cho đến khoảng tháng 7/2023, thì bà tiếp tục trả cho bà T 55.000.000 đồng tiền gốc sau đó bà không còn khả năng đóng lãi nửa vì đã bán ghe rồi, số tiền còn nợ vợ chồng bà T, ông Q lúc này là 95.000.000 đồng.

Việc vay tiền của vợ chồng bà T, ông Q thì chồng bà và các con đều không biết, đến lúc bể nợ thì chồng bà mới biết và cùng với bà bán ghe được 7.000.000.000 đồng để chia ra trả nợ cho nhiều người. Trong đó có vợ chồng bà T, ông Q.

Tại phiên toà, bị đơn bà Nguyễn Thị M yêu cầu nguyên đơn tạo điều kiện cho vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị M trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị T số tiền còn nợ là 95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng) khi vợ chồng ông L và bà M bán được nhà, ngoài ra bà M không có bất cứ yêu cầu gì thêm.

**** Bị đơn ông Nguyễn Văn L (chồng bà M) trình bày:***

Ông L hành nghề Ngư phủ và là thu nhập chính của gia đình, vợ ông chỉ quanh quẩn ở nhà nội trợ và nhận tiền thu nhập từ ông khi ghe vô thì ông bán luôn cho thương lái ngay trên biển và người ta thanh toán tiền cho ông bằng hình thức chuyển thẳng vào tài khoản của bà M, ông chỉ biết đi biển và một tháng mới vô một lần, tiền có được từ việc đi biển của ông là vợ ông nhận hết ông không giữ một ngàn nào, ông giao hết cho vợ quản lý và quyết định mọi chuyện tiền bạc. Nên mọi việc vợ ông làm ở trên bờ liên quan đến tiền bạc ông đều không biết, ông cũng không có quản lý việc chi tiêu hay sử dụng đồng tiền như thế nào vì ông tin tưởng tuyệt đối bà M. Cho đến khi có rất nhiều người đến nhà tìm đòi nợ thì ông mới biết và vợ ông mới thừa nhận với ông là có vay nợ rất nhiều người bên ngoài, mỗi chỗ một ít tổng cộng khoảng 03 đến 04 tỷ đồng, vợ ông năn nỉ bán ghe của gia đình để trả nợ, lúc này ông cũng đành đồng ý bán ghe lưới bao mà ông đã một đời gầy dựng và đây cũng là thu nhập chính của gia đình, sau khi bán ghe được 7.000.000.000 đồng, vì nợ rải rác rất nhiều nơi nên khi nhận tiền bán ghe thì đã trích 1.000.000.000 đồng chuộc sổ ghe đã cầm từ ngân hàng và 1.500.000.000 đồng để chuộc sổ mượn của người thân trong gia đình, còn lại 4.500.000.000 đồng thì vợ ông chia đều cho các chủ nợ cụ thể như nào thì ông không biết. Sau khi bán ghe ông cũng giao toàn bộ tiền cho vợ ông tự chi trả và tự quyết định cho việc trả nợ, ông cũng không muốn liên quan gì đến sự cố mà vợ ông đã tạo ra.

Đối với yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị T thì ông không có ý kiến gì vì mọi việc vay nợ của vợ ông thì ông hoàn toàn không biết, khi xảy ra sự việc vì thương vợ và gia đình ông cũng đã cố gắng khắc phục cùng vợ là bán ghe để trả nợ nhưng đến nay nợ vẫn còn thì ông yêu cầu vợ ông tự chịu trách nhiệm với số nợ mà mình tự tạo ra vì ông đã hết khả năng trả nợ cho vợ ông. Ngoài ra ông L không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc có ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật Tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các bước tiến hành thủ tục phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo được tính khách quan của vụ án.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Đồng nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q và đồng bị đơn ông Nguyễn Văn L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS năm 2015 xét xử vắng mặt ông L và ông Q.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 463, khoản 1 Điều 466 và khoản 1 Điều 669 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 27 và Điều 30 của Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn Q đối với bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn L;

Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn L phải có nghĩa vụ liên đới trả một lần hết số tiền 95.000.000 đồng cho bà T, ông Q và không tính lãi suất.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị T khởi kiện bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn L để trả lại số tiền 95.000.000 đồng đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Đồng nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q và đồng bị đơn ông Nguyễn Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt và Toà án đã ghi nhận lời khai của các ông, xét thấy việc vắng mặt của ông Q và ông L không gây trở ngại khách quan cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 BLTTDS năm 2015 Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Văn Q.

[3] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn L liên đới trả số tiền đã vay còn nợ lại là 95.000.000 đồng, trả một lần và không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa, bà M thừa nhận còn nợ vợ chồng bà T và ông Q số tiền 95.000.000 đồng nhưng vì hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn nên xin được trả số tiền còn nợ lại khi bán được nhà.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà T, ông Q đối với vợ chồng bà M, ông L là có căn cứ chấp nhận, Bởi lẽ:

Tại các văn bản lời khai và tại phiên toà bà M thừa nhận cách đây khoảng 5 năm, bà có vay của vợ chồng bà T, ông Q số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất là 3%/tháng, mục đích của việc vay tiền là để trang trải cuộc sống gia đình và lo cho các con. Sau đó bà M có trả cho vợ chồng bà số tiền 50.000.000đồng. Tháng 7 năm 2023, bà M cùng chồng là ông Nguyễn Văn L bán ghe lưới bao với số tiền là 7.000.000.000đồng, trong đó dùng số tiền 4.500.000.000đồng để trả trước một phần tiền nợ cho rất nhiều chủ nợ và vợ chồng bà T và ông Q đã được trả với số tiền là 55.000.000đồng, số tiền nợ lại là 95.000.000đồng cho đến nay. Bà M yêu cầu bà T, ông Q tạo điều kiện cho vợ chồng bà trả nợ khi bán được nhà nhưng ông L không đồng ý tiếp tục cùng bà M trả số tiền nợ còn lại nên không được vợ chồng ông Q và bà T đồng ý.

Đối với lời trình bày của ông Nguyễn Văn L về việc ông cho rằng không biết vợ mình là bà Nguyễn Thị M vay nợ, ông yêu cầu vợ ông tự chịu trách nhiệm với số nợ mà vợ ông đã tạo ra là không phù hợp, bởi ông đã xác nhận tại biên bản ghi lời khai rằng ông làm nghề ngư phủ và đây là thu nhập chính của gia đình, vợ ông chỉ quanh quẩn ở nhà nội trợ và nhận tiền thu nhập qua tài khoản ngân hàng từ việc ông bán hải sản cho thương lái ngay trên biển, ông chỉ biết đi biển một tháng vô một lần, ông giao hết cho vợ quản lý và quyết định mọi chuyện tiền bạc và ông tin tưởng tuyệt đối vào vợ mình, khi có rất nhiều người đến tìm để đòi nợ thì vợ chồng ông đã cùng nhau bán ghe lưới bao với giá là 7 tỷ đồng để trả nợ cho mỗi người chủ nợ trước một phần. Bên cạnh đó, mục đích bà M vay tiền là để trang trải cuộc sống gia đình và lo cho các con. Do đó, khoản tiền nợ còn lại đối với bà T, ông Q là 95.000.000đồng thì vợ chồng bà M, ông L phải có nghĩa vụ liên đới tiếp tục hoàn trả là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên hoà giải bà Nguyễn Thị M cho rằng bà T cho bà M vay số tiền là 200.000.000đồng với lãi suất là 3%/tháng, trả lãi vào ngày 15 đến ngày 19 hàng tháng, thời điểm vay cách đây khoản 05 năm, không thoả thuận thời hạn vay, không làm biên nhận, vay tiền chỉ nói miệng, với mục đích vay để trang trải cuộc sống gia đình và lo cho các con. Tại phiên toà bà M không xác định được tổng số tiền lãi đã đóng, bà cũng không có yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét toàn diện nội dung theo hợp đồng vay và cũng không có bất cứ chứng cứ gì để chứng minh cho việc trình bày của mình được quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Phía đồng nguyên đơn cũng không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét; Phía đồng bị đơn chỉ yêu cầu đồng nguyên đơn tạo điều kiện cho trả lại số tiền

95.000.000đồng khi bán được nhà trong suốt quá trình giải quyết vụ án mà không có bất cứ yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

[4] Về án phí:

Đồng bị đơn bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là: 95.000.000đồng x 5%= 4.750.000đồng.

Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn Q không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 26, 27; 35; 91; 147 khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 , 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 463; 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 27 và Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn Q đối với bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn L.

2. Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn L phải có nghĩa vụ liên đới trả một lần hết số tiền 95.000.000 đồng cho bà T, ông Q tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong. Bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn L phải nộp án phí dân sự có giá ngạch với số tiền là 95.000.000đồng x 5%= 4.750.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc.

Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn Q không phải chịu án phí và được hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 2.375.000đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004208, ngày 16/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho các đương sự có mặt tại piên toà được biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Đối với ông Nguyễn Văn Q (đồng nguyên đơn) và ông Nguyễn Văn L (đồng bị đơn) vắng

mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân thành phố Phú Quốc;
- Chi cục THA dân sự thành phố Phú Quốc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lâm Thanh Điền